

Tăng tỷ trọng (từ Năm giữ)

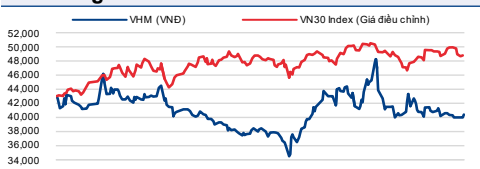
Giá mục tiêu: VNĐ44,600 (giữ nguyên)

Tiềm năng tăng/giảm: 10.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (9/1/2025)	40,400
Mã Bloomberg	VHM VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	34,500-48,250
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	40,100
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	165,939
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	6,540
Slg CP lưu hành (tr.đv)	4,107
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,013
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,512
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	12.2%
Tỷ lệ freefloat	18.6%
Cổ đông lớn	Vingroup (69.9%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Giá cổ phiếu (%)	-1 thg	-3 thg	-12 thg
Cổ phiếu thường	(2.53)	(4.94)	(6.05)
So với chỉ số	(0.65)	(1.96)	(16.8)
So với ngành	-	-	-

Nguồn: Công ty, FactSet

HSC và trung bình thị trường

EPS ĐC (đồng)	HSC	Thị trường	% ch.lệch
2024F	6,993	7,466	(6.3)
2025F	7,418	8,686	(14.6)
2026F	6,778	8,867	(23.6)

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Vinhomes, một công ty con của Vingroup, là công ty phát triển bất động sản nhà ở lớn nhất tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Phạm Ngọc Trung

Trưởng phòng, Ngành Bất Động Sản
trung.ph@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 172

Hồ Thị Kiều Trang, CFA

Giám đốc, Ngành Bất Động Sản
trang.htk@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 129

Nâng khuyến nghị lên Tăng tỷ trọng nhờ định giá; Fitch xếp hạng tín nhiệm BB-

- Cổ phiếu VHM đã giảm 5% trong 3 tháng qua kể từ báo cáo doanh nghiệp của chúng tôi vào cuối tháng 11. Với tiềm năng tăng giá 10% tại giá mục tiêu 44.600đ theo phương pháp SoTP - không thay đổi - HSC nâng khuyến nghị đối với VHM lên Tăng tỷ trọng.
- Vào ngày 6/1, Fitch Ratings xếp hạng tín nhiệm lần đầu BB- cho Xếp hạng Tín nhiệm Nhà phát hành Nợ Dài hạn (IDR) với Triển vọng Ổn định cho Vinhomes, và xếp hạng BB- cho khoản trái phiếu quốc tế bằng USD dự kiến phát hành. Việc xếp hạng tín nhiệm này giúp hỗ trợ cho việc phát hành trái phiếu quốc tế bằng đồng USD sắp tới.
- VHM đang giao dịch với mức chiết khấu 55% so với RNAV, lớn hơn mức bình quân 51% trong 3 năm qua.

Giá cổ phiếu giảm 5% trong 3 tháng qua; nâng khuyến nghị lên Tăng tỷ trọng

Giá cổ phiếu VHM đã giảm 5% trong 3 tháng qua và kể từ báo cáo doanh nghiệp gần nhất (ngày 9/11) khi HSC hạ khuyến nghị xuống Năm giữ sau khi quan ngại về một số điều khoản hợp đồng hợp tác kinh doanh kém hấp dẫn hơn từ công ty mẹ sở hữu 69,9% cổ phần là Vingroup (VIC; Năm giữ, giá mục tiêu 42.600đ).

Những điều khoản mới này dường như đã được phản ánh hoàn toàn vào giá; với tiềm năng tăng giá 10% tại giá mục tiêu 44.600đ (theo phương pháp SoTP) – giá mục tiêu cũng như dự báo lợi nhuận không đổi – HSC nâng khuyến nghị đối với cổ phiếu này lên Tăng tỷ trọng. VHM hiện đang giao dịch với chiết khấu 55% so với RNAV, lớn hơn mức bình quân 51% trong 3 năm qua.

Vui lòng tham khảo báo cáo doanh nghiệp mới nhất "Điều chỉnh HĐ BCC kém hấp dẫn; hạ khuyến nghị xuống Năm giữ" để biết chi tiết về dự báo lợi nhuận và định giá của HSC.

Fitch Ratings công bố xếp hạng tín nhiệm BB- cho VHM

Trong một tin tức khác, vào ngày 6/1, Fitch Ratings đã lần đầu tiên xếp hạng tín nhiệm BB- cho Xếp hạng Tín nhiệm Nhà phát hành Nợ Dài hạn (IDR) với Triển vọng Ổn định cho Vinhomes, cùng với xếp hạng BB- cho khoản trái phiếu quốc tế bằng đô la Mỹ dự kiến phát hành. Theo Fitch, xếp hạng tín nhiệm của Vinhomes bị ảnh hưởng bởi hồ sơ tài chính yếu hơn của công ty mẹ Vingroup do ít có sự tách biệt về quyền kiểm soát và bảo vệ pháp lý. Trong khi đó, Triển vọng Ổn định phản ánh niềm tin của Fitch rằng đòn bẩy tài chính và thanh khoản tổng thể của VIC sẽ duy trì ở mức có thể kiểm soát được trong vài năm tới.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 10/1.

(Xem tiếp trang 2)

Cuối năm: Tháng 12	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBITDA ĐC (tỷ đồng)	38,382	42,052	35,635	35,727	34,364
Lợi nhuận thuần (tỷ đồng)	28,831	33,371	30,304	30,470	27,838
EPS ĐC (đồng)	6,634	7,666	6,993	7,418	6,778
DPS (đồng)	2,000	0	0	0	0
BVPS (đồng)	33,349	41,177	48,476	55,895	62,672
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.24	5.20	6.33	5.98	6.22
P/E ĐC (lần)	6.09	5.27	5.78	5.45	5.96
Lợi suất cổ tức (%)	4.95	0	0	0	0
P/B (lần)	1.21	0.98	0.83	0.72	0.64
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(26.6)	15.6	(8.78)	6.08	(8.64)
ROAE (%)	21.4	20.6	16.0	14.2	11.4

Ghi chú: Dấu ▲ ▼ thể hiện mức tăng giảm ít nhất 5%.
Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Cụ thể, Fitch cho biết mặc dù mảng kinh doanh ô tô của VinFast dự kiến sẽ tiếp tục đối mặt với những thách thức về dòng tiền, nhưng KQKD mạnh mẽ hơn trên khắp các mảng kinh doanh của Vinhomes sẽ giúp bù đắp những khoản lỗ này. Fitch cũng dự đoán rằng VinFast sẽ dựa vào các sáng kiến của riêng mình về mặt tài trợ, huy động vốn độc lập để hỗ trợ các mục tiêu tăng trưởng.

Trên cơ sở 'Hồ sơ Tín dụng Độc lập (SCP)', Fitch đã xếp hạng VHM ở mức 'bb' dựa trên sức mạnh tài chính nội tại của công ty, nhấn mạnh vị thế thống lĩnh thị trường tại Việt Nam, được hỗ trợ bởi doanh thu kỷ kết hợp đồng đáng kể và dòng tiền mạnh mẽ từ phát triển BĐS nhà ở và các hoạt động liên quan.

Đánh giá này càng được củng cố thêm bởi tỷ lệ đòn bẩy thấp của Vinhomes, với tỷ lệ nợ thuần trên tài sản ròng dự kiến sẽ duy trì ở mức dưới 30% trong trung hạn.

Ngoài ra, theo thông báo của Fitch về xếp hạng của họ, Vinhomes dự báo rằng tiền gửi và các khoản dư nợ khác liên quan đến các hợp đồng BCC với VIC sẽ giảm xuống 5% tổng tài sản vào cuối năm 2026, giảm từ mức 12% trước khi điều chỉnh. VHM có kế hoạch tăng tỷ lệ sở hữu lên 100% trong một số dự án BĐS thông qua việc mua lại dự án hoặc cổ phần từ VIC và các công ty liên kết, trong khi một số dự án khác sẽ được loại bỏ dần. Nếu điều này diễn ra theo đúng kế hoạch, HSC coi đây là một diễn biến tích cực sẽ giúp cải thiện tính minh bạch của các giao dịch với các bên liên quan, vốn là mối quan tâm chính của nhiều nhà đầu tư.

Quan điểm của HSC về đợt phát hành trái phiếu sắp tới

HSC hiểu rằng xếp hạng do Fitch đưa ra nhằm hướng đến việc phát hành trái phiếu quốc tế bằng đô la Mỹ sắp tới mà VHM đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Singapore chấp thuận về nguyên tắc để niêm yết. Trước đó, VHM đã công bố kế hoạch phát hành trái phiếu quốc tế với giá trị dự kiến khoảng 500 triệu USD (không chuyển đổi, không có chứng quyền, không được bảo lãnh) và thời hạn tối đa là 5 năm kể từ thời điểm phát hành (bắt đầu từ đợt 1). Lãi suất dự kiến vẫn chưa được công bố.

Lưu ý, tính đến cuối Q3/2024, VHM có 24,4 nghìn tỷ đồng tiền mặt và đầu tư ngắn hạn, 72,2 nghìn tỷ đồng nợ vay (khoảng 8 nghìn tỷ đồng bằng USD). Nợ ngắn hạn là 24,2 nghìn tỷ đồng (tăng 33% so với đầu năm), bao gồm 4,4 nghìn tỷ đồng khoản vay dài hạn đến hạn trong vòng một năm và 3,8 nghìn tỷ đồng trái phiếu dài hạn đến hạn trong vòng một năm. Tỷ lệ nợ thuần trên vốn CSH là 22% vào cuối Q3/2024.

Trước đó, trong Q4/2024, VHM đã phát hành 8.000 tỷ đồng trái phiếu với lãi suất hằng năm là 12% (bằng VND). Chúng tôi cho rằng VHM sẽ sử dụng số tiền mới huy động được để tái cấp vốn cho các khoản nợ hiện hữu đến hạn và để tài trợ cho chi tiêu vốn cho các dự án của mình (bao gồm chi phí để bù mặt bằng và chi phí xây dựng).

HSC có quan điểm tích cực về khả năng đa dạng hóa các lựa chọn tài trợ của VHM và thể hiện sự linh hoạt trong việc huy động vốn cả trong nước và quốc tế.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	62,393	103,557	99,384	72,965	92,200
Lợi nhuận gộp	30,696	35,707	32,115	29,954	34,298
Chi phí BH&QL	(5,076)	(7,756)	(7,454)	(6,717)	(7,524)
Thu nhập khác	13,807	13,472	14,793	16,120	10,564
Chi phí khác	(2,319)	(817)	(5,919)	(6,129)	(5,860)
EBIT	37,109	40,605	33,534	33,227	31,479
Lãi vay thuần	808	3,429	6,806	6,126	6,064
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	56.4	10.7	2.30	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	670	(735)	(279)	0	0
LN TT	38,643	43,310	40,064	39,352	37,543
Chi phí thuế TNDN	(9,481)	(9,777)	(8,013)	(7,870)	(7,509)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(331)	(161)	(1,746)	(1,012)	(2,197)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	28,831	33,371	30,304	30,470	27,838
Lợi nhuận thuần ĐC	28,887	33,382	30,307	30,470	27,838
EBITDA ĐC	38,382	42,052	35,635	35,727	34,364
EPS (đồng)	6,621	7,664	6,993	7,418	6,778
EPS ĐC (đồng)	6,634	7,666	6,993	7,418	6,778
DPS (đồng)	2,000	0	0	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	4,354	4,354	4,334	4,107	4,107
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	4,354	4,354	4,107	4,107	4,107
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	4,354	4,354	4,107	4,107	4,107

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	10,817	14,103	13,030	14,878	16,466
Đầu tư ngắn hạn	6,297	3,834	3,834	3,834	3,834
Phải thu khách hàng	96,209	132,871	158,142	151,356	170,914
Hàng tồn kho	64,362	55,318	46,273	73,028	86,385
Các tài sản ngắn hạn khác	18,851	36,215	37,827	37,265	39,465
Tổng tài sản ngắn hạn	196,535	242,341	259,106	280,361	317,064
TSCĐ hữu hình	8,225	10,619	11,974	13,136	14,158
TSCĐ vô hình	1,115	1,052	1,096	1,107	1,126
Bất động sản đầu tư	15,524	17,037	20,714	22,906	25,304
Đầu tư dài hạn	7,344	7,573	7,573	7,573	7,573
Đầu tư vào Cty LD,LK	147	187	187	187	187
Tài sản dài hạn khác	132,923	165,822	177,458	179,670	184,678
Tổng tài sản dài hạn	165,277	202,290	219,002	224,579	233,027
Tổng cộng tài sản	361,813	444,631	478,108	504,940	550,091
Nợ ngắn hạn	15,330	18,290	31,211	25,743	28,739
Phải trả người bán	15,031	20,452	23,928	26,760	27,332
Nợ ngắn hạn khác	77,117	121,494	109,432	100,890	115,082
Tổng nợ ngắn hạn	187,762	211,073	220,062	219,915	236,202
Nợ dài hạn	20,876	38,394	41,326	36,823	35,652
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	926	1,169	1,169	1,169	1,169
Nợ dài hạn khác	1,600	8,981	8,981	8,981	8,981
Tổng nợ dài hạn	23,402	48,544	51,476	46,973	45,802
Tổng nợ phải trả	213,291	261,994	273,915	269,265	284,381
Vốn chủ sở hữu	145,213	179,302	199,112	229,582	257,420
Lợi ích cổ đông thiểu số	3,309	3,335	5,081	6,093	8,290
Tổng vốn chủ sở hữu	148,522	182,636	204,193	235,675	265,709
Tổng nợ phải trả và VCSH	361,813	444,631	478,108	504,940	550,091
BVPS (đ)	33,349	41,177	48,476	55,895	62,672
Nợ thuần/(tiền mặt)	25,390	42,580	59,508	47,688	47,925

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	37,109	40,605	33,534	33,227	31,479
Khấu hao	(1,217)	(1,436)	(2,098)	(2,500)	(2,885)
Lãi vay thuần	808	3,429	6,806	6,126	6,064
Thuế TNDN đã nộp	(4,135)	(5,812)	(8,013)	(7,870)	(7,509)
Thay đổi vốn lưu động	9,598	(21,951)	(21,772)	(14,085)	(21,825)
Khác	(14,861)	(15,815)	(11,024)	(2,215)	(4,804)
LCT thuần từ HĐKD	31,004	1,517	742	17,686	6,087
Đầu tư TS dài hạn	(18,299)	(9,988)	(7,173)	(5,866)	(6,324)
Góp vốn & đầu tư	(54,767)	(46,176)	0	0	0
Thanh lý	38,411	28,711	0	0	0
Khác	7,826	8,821	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(26,829)	(18,632)	(7,173)	(5,866)	(6,324)
Cổ tức trả cho CSH	(9,384)	0	0	0	0
Thu từ phát hành CP	0	5.70	(10,496)	0	0
Tăng/giảm nợ	11,400	20,396	15,854	(9,972)	1,826
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	2,016	20,401	5,358	(9,972)	1,826
Tiền & tương đương tiền đầu kì	4,626	10,817	14,103	13,030	14,878
LCT thuần trong kỳ	6,191	3,286	(1,074)	1,848	1,588
Ảnh hưởng của tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	10,817	14,103	13,030	14,878	16,466
Dòng tiền tự do	12,704	(8,471)	(6,431)	11,820	(237)

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	49.2	34.5	32.3	41.1	37.2
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	61.5	40.6	35.9	49.0	37.3
Tỷ suất LNT (%)	46.2	32.2	30.5	41.8	30.2
Thuế TNDN hiện hành (%)	24.5	22.6	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	(26.6)	66.0	(4.03)	(26.6)	26.4
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(22.3)	9.56	(15.3)	0.26	(3.82)
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(25.7)	15.6	(9.21)	0.54	(8.64)
Tăng trưởng EPS (%)	(26.7)	15.7	(8.76)	6.09	(8.64)
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(26.6)	15.6	(8.78)	6.08	(8.64)
Tăng trưởng DPS (%)	33.3	(100)	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	30.2	0	0	0	0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	21.4	20.6	16.0	14.2	11.4
ROACE (%)	22.5	19.9	13.6	12.2	10.5
Vòng quay tài sản (lần)	0.21	0.26	0.22	0.15	0.17
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.84	0.04	0.02	0.53	0.19
Số ngày tồn kho	741	298	251	620	545
Số ngày phải thu	1,108	715	858	1,284	1,077
Số ngày phải trả	173	110	130	227	172
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	60.2	43.3	50.5	43.5	38.6
Nợ/tài sản (%)	27.1	20.7	23.7	22.7	21.1
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	2.56	2.18	3.19	3.21	3.37
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.05	1.15	1.18	1.27	1.34
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	3.23	2.11	2.27	2.93	2.32
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.24	5.20	6.33	5.98	6.22
P/E (lần)	6.10	5.27	5.78	5.45	5.96
P/E ĐC (lần)	6.09	5.27	5.78	5.45	5.96
P/B (lần)	1.21	0.98	0.83	0.72	0.64
Lợi suất cổ tức (%)	4.95	0	0	0	0

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn